

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 841/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 22-9-2025
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Mai Công Tài
- Ông Dương Minh Kiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền, thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 690/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2025 về “Tranh chấp Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2268/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Triệu Thanh T, sinh năm 1985; địa chỉ: Số A, ấp H, xã B, Tp. Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Phạm Thanh P, sinh năm 1989; địa chỉ: Số B, đường Q, phường, Tp. Hồ Chí Minh.

(nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Triệu Thanh T trình bày:

Bà T và ông P tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường 08, quận Gò Vấp (nay là phường Thông Tây Hội), Tp. Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 06/2017, ngày 11/01/2017. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, hai bên có

sự quan tâm và chăm sóc lẫn nhau. Tuy nhiên, sau một thời gian chung sống, giữa bà T và ông P bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên bất đồng về tính cách cũng như về quan điểm sống. Năm 2022 bà T về nhà mẹ ruột ở Hóc Môn sinh sống và sống ly thân với ông P từ đó đến nay. Từ khi sống ly thân, bà T và ông P mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Khoảng tháng 10/2024, ông P bị bắt để điều tra vụ án hình sự. Hiện nay ông P đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Chí Hòa - công an Thành phố Hồ Chí Minh - Phân trại tạm giam khu vực G. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông P để ổn định cuộc sống và tinh thần để nuôi con.

Về con chung: Bà T và ông P có 01 con chung tên Phạm Thanh T1, sinh ngày 25/5/2017. Bà T yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 03/7/2025 bị đơn - ông Phạm Thanh P trình bày:

Ông P và bà T kết hôn năm 2017 tại Ủy ban nhân dân Phường T, quận G (nay là phường T), Tp. Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn về kinh tế gia đình và hay cãi vã. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông P không đồng ý do muốn hàn gắn tình cảm. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho bà T ly hôn thì ông P đồng ý giao con chung tên Phạm Thanh Tân, sinh ngày 25/5/2017 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết. Hiện nay ông P đang bị tạm giam để điều tra vụ án hình sự nên ông đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của Tòa án.

Tại phiên tòa, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ; thực hiện việc gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với ông P, đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông P có nơi cư trú tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về người tham gia tố tụng:

Bị đơn - ông Phạm Thanh P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hợp lệ, nên được Tòa án chấp nhận xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà T:

Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa bà T và ông P là hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được công nhận hôn nhân hợp pháp. Bà T xin ly hôn với ông P vì nhận thấy mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà T và ông P đã có thời gian sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Hội đồng xét xử nhận thấy: tại bản tự khai bà T và ông P đều xác nhận trong quá trình vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn dẫn đến hay xảy ra cãi vã nhưng hai bên không thể giải quyết được. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã động viên để bà T quay về hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà T không đồng ý, bà xác định không còn tình cảm với ông P. Ông P không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng và đang bị tạm giam để điều tra vụ án hình sự. Xét thấy, hôn nhân chỉ đạt được mục đích khi xuất phát từ tình yêu, tôn trọng giữa hai vợ chồng. Vợ chồng phải cùng có trách nhiệm vun đắp và chăm sóc lẫn nhau để xây dựng một gia đình hạnh phúc. Thực tế giữa bà T và ông P đã không còn chung sống với nhau. Từ khi sống ly thân, bà T một mình tự

chăm lo cho con chứng tỏ mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông P.

[3] Xét yêu cầu nuôi con của bà T.

Bà T và ông P có một con chung tên Phạm Thanh T1, sinh ngày 25/5/2017. Hội đồng xét xử nhận thấy, con hiện nay đang do bà T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Ông P không có tranh chấp về con chung. Nên việc giao con cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình và phù hợp với nguyện vọng của con. Do đó, bà T yêu cầu trực tiếp nuôi con là có cơ sở để chấp nhận. Xét việc bà T không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con là ý chí tự nguyện và không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung:

Trong quá trình giải quyết vụ án bà T và ông P không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con: Căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 200, Điều 266 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Triệu Thanh T được ly hôn với ông Phạm Thanh P (Giấy chứng nhận kết hôn số 06/2017 do Ủy ban nhân dân phường 08, quận Gò Vấp (nay là phường Thông Tây Hội), Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 11/01/2017 hết hiệu lực).

2. Về con chung: Giao trẻ Phạm Thanh T1, sinh ngày 25/5/2017 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Ông P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà T phải chịu án phí nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000133 ngày 06/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 7), Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND KV7-Tp. HCM;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- THADS Tp. HCM;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Kiều Oanh